

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST

Ngày: 04 – 11 - 2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Hoàng

Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2019/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST – DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên Tòa số 32/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2021, số 42/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên Tòa số 01/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C (Tên gọi tắt là Ngân hàng B)

Địa chỉ trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh K, phường 5, quận 3, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà Vũ Thị Anh Đ - Chức vụ Giám đốc phòng quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Anh Đ tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thanh P – Chức vụ: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 340/UQ-QLN.19 ngày 22/8/2019) (Có mặt)

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hiền Minh

Địa chỉ trụ sở: Tổ 1, ấp 4, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Thửa đất số 3123, tờ bản đồ số 03).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Trần Thị H – Giám đốc (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị H, sinh năm: 1970 (Là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H) (Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn M, sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M:

Bà Trần Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 17/02/2020 (Vắng mặt)

3. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

4. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

5. Lê Thị V, sinh năm: 1949 (Vắng mặt)

6. Trần Văn C, sinh năm: 1947 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh T.

7. Lê Thị L, sinh năm: 1951 (Vắng mặt)

8. Quảng Trọng N, sinh năm: 1951 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh T.

9. Phan Thị Ngọc D, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

10. Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: B10 khu phố 1, phường 4, thành phố B, tỉnh T.

11. Đỗ Thị T, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

12. Trần Xuân T, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 67 D, khu phố 4, phường 5, thành phố B, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Số 305/60 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

13. Phạm Hoàng P, sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 305/60 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hoàng Phong:

Bà Trần Xuân T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo Giấy ủy quyền đề ngày 02/3/2020 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2019, bản tự khai ngày 26/02/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng chi Nguyễn Thanh P trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (Viết tắt là Công ty TNHH H) do bà Trần Thị H – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần C, chi nhánh T theo:

1. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TIG.DN.880.030417 ngày 04/4/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1052.291117 ngày 01/12/2017 và Phụ lục hợp đồng số TIG.DN.1052.291117PL-01 ngày 01/12/2017. Cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 19.500.000.000 đồng (Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng)
- Lãi suất cho vay: Quy định trong từng khế ước nhận nợ
- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm
- Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 09 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân
- Mục đích vay: Kinh doanh thủy sản
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng

- Phương thức thanh toán:

Đề thực hiện số tiền vay nêu trên theo Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng C đã giải ngân cho Công ty TNHH H bằng **05** khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1.1 Khế ước nhận nợ số 13 (Số TK 270219599 ngày 03/10/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T.
- Thời hạn cho vay: 09 tháng từ ngày 01/10/2018 đến hết ngày 03/7/2019
- Mục đích giải ngân: Kinh doanh thủy sản
- Lãi suất: 9,9%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = LS 13 + 2,8% + X; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Ngày 03/7/2019 khoản vay đáo hạn (Kết thúc thời hạn cho vay) nhưng công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 04/7/2019, Ngân hàng C đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

1.2 Khế ước nhận nợ số 14 (Số TK 270555439 ngày 09/10/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)

- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 09 tháng từ ngày 10/10/2018 đến hết ngày 09/7/2019
- Mục đích giải ngân: Kinh doanh thủy sản
- Lãi suất: 9,9%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: $Lãi\ suất\ vay = LS\ 13 + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Ngày 09/7/2019 khoản vay đáo hạn (Kết thúc thời hạn cho vay) nhưng công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 10/7/2019, Ngân hàng C đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

1.3 Khế ước nhận nợ số 15 (Số TK 270763359 ngày 12/10/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 09 tháng từ ngày 13/10/2018 đến hết ngày 12/7/2019
- Mục đích giải ngân: Kinh doanh thủy sản
- Lãi suất: 9,9%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: $Lãi\ suất\ vay = LS\ 13 + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Ngày 12/7/2019 khoản vay đáo hạn (Kết thúc thời hạn cho vay) nhưng công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 13/7/2019, Ngân hàng C đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

1.4 Khế ước nhận nợ số 16 (Số TK 270986729 ngày 17/10/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 980.000.000 đồng (Chín trăm tám mươi triệu đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 09 tháng từ ngày 18/10/2018 đến hết ngày 17/7/2019
- Mục đích giải ngân: Kinh doanh thủy sản
- Lãi suất: 9,2%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất

vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = LS 13 + 2,8% + X; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Ngày 17/7/2019 khoản vay đáo hạn (Kết thúc thời hạn cho vay) nhưng công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 18/7/2019, Ngân hàng C đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

1.5 Khế ước nhận nợ số 17 (Số TK 272503939 ngày 13/11/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 1.955.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu đồng)

- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T

- Thời hạn cho vay: 09 tháng từ ngày 14/11/2018 đến hết ngày 13/8/2019

- Mục đích giải ngân: Kinh doanh thủy sản

- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = LS 13 + 2,8% + X; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

2. Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1529.071218 ngày 18/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số TIG.DN.1529. 071218/PL – 01 ngày 18/12/2018. Cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 10.530.000.000 đồng (Mười tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng)

- Lãi suất cho vay: Quy định trong từng khế ước nhận nợ

- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm

- Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ và tối đa không quá 08 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty

- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng

- Phương thức thanh toán:

Đề thực hiện số tiền vay nêu trên theo Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng C đã giải ngân cho Công ty TNHH H bằng **06** khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

2.1 Khế ước nhận nợ số 01 (Số TK 274562039 ngày 18/12/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 08 tháng từ ngày 19/12/2018 đến hết ngày 18/8/2019
- Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty
- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS_{13} + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

2.2 Khế ước nhận nợ số 02 (Số TK 274970719 ngày 24/12/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 08 tháng từ ngày 25/12/2018 đến hết ngày 24/8/2019
- Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty
- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS_{13} + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH Hiền Minh không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

2.3 Khế ước nhận nợ số 03 (Số TK 275013499 ngày 25/12/2018)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T

- Thời hạn cho vay: 08 tháng từ ngày 26/12/2018 đến hết ngày 25/8/2019
- Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty
- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS_{13} + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH Hiền Minh không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

2.4 Khế ước nhận nợ số 04 (Số TK 284932199 ngày 31/5/2019)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 975.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 08 tháng từ ngày 01/6/2019 đến hết ngày 31/01/2020
- Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty
- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS_{13} + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

2.5 Khế ước nhận nợ số 05 (Số TK 285180479 ngày 04/6/2019)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 1.080.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng)
- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Thời hạn cho vay: 08 tháng từ ngày 05/6/2019 đến hết ngày 04/02/2020
- Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty

- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS_{13} + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

2.6 Khế ước nhận nợ số 06 (Số TK 285239639 ngày 05/6/2019)

*** Nội dung chính:**

- Số tiền giải ngân: 1.155.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu đồng)

- Phương thức giải ngân: Chuyển số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 209793519 của công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T

- Thời hạn cho vay: 08 tháng từ ngày 06/6/2019 đến hết ngày 05/02/2020

- Mục đích giải ngân: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty

- Lãi suất: 9,5%/năm, 01 năm được tính là 365 ngày, được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = $LS_{13} + 2,8\% + X$; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào đúng ngày 15 của mỗi tháng bên vay phải trả nợ lãi cho Ngân hàng C

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên.

3. Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1533.071218 ngày 31/01/2019. Cụ thể như sau:

- Hạn mức thấu chi: 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng)

- Lãi suất cho vay:

+ Trong hạn 9,5%/năm và được điều chỉnh theo quy định hoặc thông báo của C trong toàn bộ thời gian thực tế bên được cấp tín dụng có hạn mức thấu chi và/hoặc số tiền thấu chi, kể cả thời gian vượt quá thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi hoặc thời hạn thanh toán số tiền thấu chi theo hạn mức thấu chi (Nếu bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn)

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn

- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm

- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của công ty
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi
- Phương thức thấu chi: Thông qua sử dụng tài khoản thanh toán số 255329299 của Công ty TNHH H tại Ngân hàng C, chi nhánh T
- Phương thức thanh toán: Có thể thanh toán 01 phần hoặc toàn bộ theo định kỳ hàng tháng hoặc 03 tháng/lần, do Ngân hàng C ấn định và thông báo nhưng không được quá 12 tháng kể từ ngày phát sinh số tiền thấu chi.

*** Quá trình thực hiện:**

Công ty TNHH H không thanh toán nợ cho Ngân hàng C. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng C đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số tiền nợ vay còn lại chưa thanh toán của khoản vay khấu chi nêu trên.

4. Về tài sản thế chấp:

Trong quá trình vay vốn, để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên của Công ty TNHH H do bà Trần Thị H – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ký kết các Hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai, chứng thư bảo lãnh ngày 13/01/2016. Cụ thể như sau:

4.1 Tài sản thế chấp của bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H:

** Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:*

- Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 1 diện tích 151 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 052390, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 00537 tọa lạc tại xã B, huyện Đ tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị H ngày 22/5/2006.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TIG.BĐDN.367.060116 ngày 14/01/2016. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TIG.BĐDN.367.060116/SĐBS-01 ngày 22/11/2016; số TIG.BĐDN.367.060116/SĐBS-02; số TIG.BĐDN.367.060116/SĐBS-03 có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật và Cam kết thế chấp ngày 26/8/2016.

- Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 5 diện tích 57 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 553074, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 108/QĐ-UB tọa lạc tại xã B, huyện Đ, tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị H ngày 04/5/2000.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TIG.BĐDN.333.080116 ngày 14/01/2016, có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Thửa đất số 390, tờ bản đồ số 3 diện tích 1253 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 907173, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02420 tọa lạc tại xã B, huyện Đ, tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Trần Thị H ngày 30/6/2016.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số TIG.BĐDN.07.191116 ngày 22/11/2016, có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TIG.BĐDN.070191116/SĐBS-01 ngày 01/12/2017; Giấy phép xây dựng số 50/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/8/2016.

- **Chứng thư bảo lãnh** lập ngày 13/01/2016 giữa bên bảo lãnh là bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M với bên bảo lãnh là Công ty TNHH một thành viên H, theo đó bên bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay cho bên được bảo lãnh các khoản nợ của bên được bảo lãnh với Ngân hàng C khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ được bảo lãnh gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ (Như nợ gốc lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) của bên được bảo lãnh với Ngân hàng C.

4.2 Tài sản thế chấp của bà Lê Thị V và ông Trần Văn C (Nghĩa vụ được bảo đảm số tiền không vượt quá 989.000.000 đồng)

- Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 28 diện tích 30036.1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB949493, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00097 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Lê Thị V ngày 28/5/2010.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐDN.281.110116 ngày 14/01/2016, có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

4.3 Tài sản thế chấp của bà Lê Thị L và ông Quảng Trọng N (Nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá số tiền 991.000.000 đồng)

- Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28 diện tích 29950.7 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB949494, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00098 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh T do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Lê Thị L ngày 28/5/2010.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐDN.313.110116 ngày 14/01/2016, có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

4.4 Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị T (Nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá số tiền 1.825.000.000 đồng)

- Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20 diện tích 5860,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 903083, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00084 tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh B cấp cho ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị T ngày 12/12/2012.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TIG.BĐDN.357.110116 ngày 21/01/2016. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TIG.BĐDN.357.110116/SĐBS-01 ngày 22/11/2016. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TIG.BĐDN.357.110116/SĐBS-02 ngày 01/12/2017.

4.5 Tài sản thế chấp của bà Trần Xuân T và ông Phạm Hoàng P *(Nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá số tiền 3.892.000.000 đồng)*

- Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 14 diện tích 272,4 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 170066, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00026; Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 14 diện tích 23,3 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 170068, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00028 cùng tọa lạc tại phường 7, thành phố B, tỉnh T cấp cho bà Trần Xuân T ngày 09/02/2010. Thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14 diện tích 134,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 176919, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00173 tọa lạc tại phường 7, thành phố B, tỉnh T cấp cho bà Trần Xuân T ngày 18/5/2010.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐDN.732.190117 ngày 02/3/2017, có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

4.6 Tài sản thế chấp của chị Phan Thị Ngọc D *(Nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá số tiền 900.000.000 đồng)*

- Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 5 diện tích 1758,7 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 023249, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04071; Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 5 diện tích 347,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 023248, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04070 cùng tọa lạc tại ấp G, xã B, huyện Đ, tỉnh T cấp cho chị Phan Thị Ngọc D ngày 13/11/2015.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐDN.242.030417 ngày 04/4/2017, có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty TNHH H đã nhận đầy đủ tiền vay của Ngân hàng C theo các hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ và Phụ lục hợp đồng đã được ký kết nêu trên và sử dụng nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng theo cam kết của người vay theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bên vay, bên thế chấp tài sản và những người liên quan để tìm biện pháp thanh toán nợ vay. Tính đến hết ngày 04/10/2019 công ty TNHH H còn nợ Ngân hàng số tiền vay chưa thanh toán là 11.054.986.559 đồng. Trong đó: Nợ tiền vốn gốc là 10.528.000.000 đồng, lãi trong hạn là 257.187.247 đồng, lãi quá hạn là 263.891.680 đồng, phạt chậm trả lãi là 5.907.632 đồng.

Sau đó, Ngân hàng làm việc với những người liên quan đã thế chấp tài sản để giải chấp một số tài sản thế chấp theo thỏa thuận nhằm giảm dư nợ của công ty TNHH H cho Ngân hàng C và Ngân hàng đã xử lý được tài sản thế chấp đối với: Ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị T; bà Trần Xuân T và ông Phạm Hoàng P và chị Phan Thị Ngọc D. Các ông bà đã trả cho Ngân hàng C hoàn tất số tiền theo nghĩa vụ được bảo đảm và Ngân hàng C cũng đã xử lý xong tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mà các bên đã ký kết. Ngân hàng rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với các hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng C với ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị T; Bà Trần

Xuân T và ông Phạm Hoàng P và chị Phan Thị Ngọc D do các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh.

Như vậy, tính đến hết ngày 04/11/2021 công ty TNHH H còn nợ Ngân hàng C số tiền nợ vay chưa thanh toán là 5.884.511.399 đồng (Gồm nợ tiền vốn gốc 3.584.610.038 đồng, lãi trong hạn 255.796.972 đồng, lãi quá hạn 1.984.953.253 đồng, phạt chậm trả lãi 59.151.136 đồng).

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc công ty TNHH H phải trả số tiền còn nợ tính đến hết ngày 04/11/2021 chưa thanh toán là 5.884.511.399 đồng (Gồm nợ tiền vốn gốc 3.584.610.038 đồng, lãi trong hạn 255.796.972 đồng, lãi quá hạn 1.984.953.253 đồng, phạt chậm trả lãi 59.151.136 đồng).

Đồng thời, công ty TNHH H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo các điều khoản và điều kiện tín dụng chung; các hợp đồng cấp tín dụng, phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ các bên đã ký kết nêu trên. Trường hợp công ty TNHH H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án xử cho Ngân hàng được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên, theo Chứng thư bảo lãnh ngày 13/01/2016 và buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thế chấp tài sản để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh được ghi trong hợp đồng để thu hồi nợ cho Ngân hàng C.

* Tại bản tự khai ngày 25/02/2020, biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, bị đơn công ty TNHH H có bà Trần Thị H là người đại diện theo pháp luật của công ty, cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đồng thời là người nhận ủy quyền của ông Nguyễn Văn M trình bày:

Công ty TNHH H do bà làm Giám đốc hiện nay ngưng hoạt động chứ chưa tuyên bố phá sản. Hiện nay Ngân hàng C khởi kiện công ty do bà Trần Thị H làm Giám đốc yêu cầu trả nợ vay bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng C nhưng bà yêu cầu Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp trả nợ chứ bà không có tiền mặt để trả nợ Ngân hàng.

* Tại bản tự khai ngày 06/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Xuân T đồng thời là người nhận ủy quyền của ông Phạm Hoàng P ủy quyền trình bày:

Bà thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐDN.732.190117 ngày 02/3/2017 với Ngân hàng C. Bà thế chấp tài sản là thửa đất số 138, tờ bản đồ số 14 diện tích 272,4 m², thửa đất số 232, tờ bản đồ số 14 diện tích 23,3 m² và thửa đất số 252, tờ bản đồ số 14 diện tích 134,1 m² cùng tọa lạc tại phường 7, thành phố B, tỉnh T, đất do bà đứng tên sở hữu để bảo đảm cho bà Trần Thị H, Giám đốc công ty TNHH H đã vay của Ngân hàng C. Nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá số tiền 3.892.000.000 đồng. Bà chỉ bảo lãnh số tiền là 2.600.000.000 đồng chứ không bảo lãnh toàn bộ tài sản thế chấp. Sau đó, tài sản là quyền sử dụng

đất thế chấp bà đã trả tiền gốc là 3.892.000.000 đồng và lãi suất cho Ngân hàng và đã lấy tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ở Ngân hàng ra. Bà có yêu cầu được vắng mặt trong các lần mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải vụ án, xét xử bà tham gia.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà T cũng là người được ông P ủy quyền không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Bà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tại sao vào năm 2018 phía Ngân hàng C giữ đất và chiếm giữ các phần đất thế chấp bảo đảm của bà không cho bà bán và tự tháo dỡ cái miếu thờ ông địa do bà lập, yêu cầu bà trả chi phí tháo dỡ.

* Tại bản tự khai ngày 03/3/2020, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020, biên bản hòa giải ngày 12/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Văn C, mẹ bà Trần Thị H. Bà có biết hiện nay Ngân hàng C khởi kiện con bà là bà Trần Thị H yêu cầu trả nợ Ngân hàng. Con bà là H vay tiền Ngân hàng C để mua bán thủy hải sản nhưng do đánh bắt thua lỗ nên không có tiền trả nợ. Con gái bà vay tiền Ngân hàng vợ chồng bà và em gái là Lê Thị L có đưa tài sản là quyền sử dụng đất thế chấp bảo lãnh vay tiền. Đất đem đi thế chấp thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 28 diện tích 30036.1 m² do bà đứng tên sở hữu tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh T cấp ngày 28/5/2010. Bà không có tiền để trả Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thu hồi nợ theo phạm vi bảo lãnh để trả nợ cho H.

* Tại bản tự khai ngày 03/3/2020, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị V, cha của bà Trần Thị H. Ông hoàn toàn thống nhất với phần trình bày của bà V. Vợ chồng ông có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất bảo lãnh cho H con ông vay tiền. Ông đồng ý cùng vợ ông là bà V giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thu hồi nợ. Ông yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt ông.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Bà là em ruột bà Lê Thị V, dì của Trần Thị H. Bà có biết Ngân hàng khởi kiện H yêu cầu trả nợ nhưng không biết số tiền yêu cầu phải trả là bao nhiêu. Bà biết H vay tiền mục đích là để mua bán thủy hải sản. Vợ chồng bà có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28 diện tích 29950.7 m² do bà đứng tên sở hữu tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh T cấp ngày 28/5/2010 bảo lãnh cho H vay tiền. Đất đập chung với chị là bà V. Hiện nay, H có nói với bà làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả nợ. Vợ chồng bà cũng không có tiền để trả nợ, Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thu hồi nợ trong phạm vi bảo lãnh để trả nợ cho H. Bà yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các lần mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải, xét xử vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quảng Trọng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các lần mở phiên họp công bố chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án đề ngày 28/12/2020 nên không có lời khai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc B, bà Đỗ Thị T, chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H vắng mặt không có lời khai.

* Tại bản tự khai ngày 18/11/2020, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020 và biên bản hòa giải ngày 12/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc D trình bày:

Chị có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐDN.242.030417 ngày 04/4/2017 với Ngân hàng C. Chị thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 5 diện tích 1758,7 m²; Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 5 diện tích 347,1 m² đất tọa lạc tại ấp G, xã B, huyện Đ, tỉnh T cấp ngày 13/11/2015 do chị đứng tên sở hữu để bảo đảm cho bà Trần Thị H Giám đốc công ty TNHH H đã vay Ngân hàng C. Nghĩa vụ được bảo đảm không vượt quá số tiền 900.000.000 đồng. Lý do chị thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay cho bà Trần Thị H - Giám đốc công ty TNHH H là do trước đây gia đình chị có nợ chị H số tiền chưa trả là 200.000.000 đồng nên chị mới nhờ chị H vay dùm số tiền là 900.000.000 đồng, chị chỉ lấy 700.000.000 đồng, trả nợ 200.000.000 đồng bằng hợp đồng thế chấp nêu trên. Hiện nay, tài sản là quyền sử dụng đất thế chấp nêu trên chị đã trả tiền xong cho Ngân hàng đối với số tiền chị đã bảo lãnh theo hợp đồng và đã lấy tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ở Ngân hàng ra. Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền theo Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt có yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H – Giám đốc là bà Trần Thị H, có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 1300599890 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh B cấp có địa chỉ trụ sở tại tổ 1, ấp 4, xã B, huyện Đ tỉnh T (Thửa đất số 3123, tờ bản đồ số 03). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng C vay tiền mục đích là kinh doanh, mua bán thủy hải sản, có lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Khi thụ lý vụ án tranh chấp là thụ lý án dân sự là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại và giải quyết vụ án theo thủ tục chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đúng quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H, Phan Thị Ngọc D, bà Đỗ Thị T được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để xét xử đến lần thứ 2 nhưng tất cả đều vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn M, Trần Văn C, Nguyễn Quốc B, Quảng Trọng N và bà Lê Thị V, Lê Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện tại biên bản lấy lời khai đề ngày 04/3/2020, 24/12/2020 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 28/12/2020, 21/6/2021, 24/6/2021, 15/10/2021 (Bút lục số 278, 364-365, 481, 482, 484, 543). Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, Ngân hàng C rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay trong phạm vi bảo lãnh giữa: Ngân hàng C với ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị T, bà Trần Xuân T và ông Phạm Hoàng P, chị Phan Thị Ngọc D do các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh, đã xử lý xong các hợp đồng thế chấp và Ngân hàng cũng hoàn trả xong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với 01 phần yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng, không xem xét giải quyết là phù hợp, đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C yêu cầu bị đơn là công ty TNHH H phải trả số tiền nợ vay tính đến hết ngày 04/11/2021 chưa thanh toán là 5.884.511.399 đồng (Gồm nợ tiền vốn gốc 3.584.610.038 đồng, lãi trong hạn 255.796.972 đồng, lãi quá hạn 1.984.953.253 đồng, phạt chậm trả lãi 59.151.136 đồng). Đồng thời công ty TNHH H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, các Hợp đồng cấp tín dụng, Phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ các bên đã ký nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào:

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TIG.DN.880.030417 ngày 04/4/2017.

- Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1052.291117 ngày 01/12/2017 và Phụ lục hợp đồng số TIG.DN.1052.291117PL-01 ngày 01/12/2017 và 05 khế ước nhận nợ số 13 (Số TK 270219599 ngày 03/10/2018), số 14 (Số TK 270555439 ngày 09/10/2018), số 15 (Số TK 270763359 ngày 12/10/2018), số 16 (Số TK 270986729 ngày 17/10/2018), số 17 (Số TK 272503939 ngày 13/11/2018).

- Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1529.071218 ngày 18/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số TIG.DN.1529.071218/PL – 01 ngày 18/12/2018 và 06 khế ước nhận nợ số 01 (Số TK 274562039 ngày 18/12/2018), số 02 (Số TK 274970719 ngày 24/12/2018), số 03 (Số TK 275013499 ngày 25/12/2018), số 04 (Số TK 284932199 ngày 31/5/2019), số 05 (Số TK 285180479 ngày 04/6/2019), số 06 (Số TK 285239639 ngày 05/6/2019).

- Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1533.071218 ngày 31/01/2019.

Được ký kết giữa Ngân hàng C với bà Trần Thị H – Giám đốc công ty TNHH H là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào thời hạn cho vay của các hợp đồng cấp tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng C với công ty TNHH H thì thời hạn vay theo Hợp đồng đã hết, đã quá hạn mà công ty TNHH H không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà H - Giám đốc công ty TNHH H cũng thừa nhận hiện nay vẫn còn nợ Ngân hàng C chưa trả dứt nợ, hiện tại công ty TNHH H không còn hoạt động nhưng chưa giải thể, không có tiền trả nợ, yêu cầu Ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Ngân hàng C yêu cầu bị đơn là công ty TNHH H phải trả số tiền nợ vay chưa thanh toán tính đến hết ngày 04/11/2021 là 5.884.511.399 đồng (Gồm nợ tiền vốn gốc 3.584.610.038 đồng, lãi trong hạn 255.796.972 đồng, lãi quá hạn 1.984.953.253 đồng, phạt chậm trả lãi 59.151.136 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, các Hợp đồng cấp tín dụng, Phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ các bên đã ký kết nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 274, 275, 280, 351, 353, 357 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xử lý các tài sản thế chấp của Ngân hàng C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty TNHH H vay tiền thì có bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H, bà Lê Thị V, ông Trần Văn C, bà Lê Thị L, ông Quảng Trọng N ký kết với Ngân hàng C các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, cam kết thế chấp ngày 26/8/2016, chứng thư bảo lãnh lập ngày 13/01/2016 nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bảo lãnh để thu hồi nợ. Căn cứ vào các hợp đồng ký kết nhận thấy các bên thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, các bên tự nguyện

thỏa thuận giao kết hợp đồng, đều được công chứng, đã hoàn thành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B, có văn bản thỏa thuận của những người trong hộ gia đình của bà H, ông M, chị H, chị H và cùng ký trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Theo nội dung của các Hợp đồng thế chấp tại Điều 8, Điều 3 nghĩa vụ bảo đảm của những người bảo lãnh đều có quy định về xử lý tài sản thế chấp có nêu: “.....Bên được cấp tín dụng đến hạn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ.....” thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H, Lê Thị V, Lê Thị L, ông Trần Văn C đồng ý giao tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ và trả nợ thay trong phạm vi bảo lãnh. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo, cam kết thế chấp và chứng thư bảo lãnh nêu trên giữa Ngân hàng C với bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H, bà Lê Thị V, ông Trần Văn C, bà Lê Thị L, ông Quảng Trọng N ký kết để thu hồi nợ vay cho công ty TNHH H là hoàn toàn có căn cứ, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật theo Điều 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 325 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Xuân T cũng là người được ông Phạm Hoàng P ủy quyền không có yêu cầu xem xét nội dung gì trong cùng vụ án nên Hội đồng xét xử không xét đến. Đối với yêu cầu xem xét giải quyết việc Ngân hàng C không cho bà T bán đất thế chấp, chiếm giữ đất, tháo dỡ miếu ông Địa do bà T lập và Ngân hàng C có yêu cầu bà trả chi phí tháo dỡ. Hội đồng xét xử xác định yêu cầu của bà T, ông P là quan hệ tranh chấp khác, không có liên quan đến vụ án đang được giải quyết giữa Ngân hàng C với công ty TNHH H. Bà T và ông P có quyền khởi kiện tại Tòa án bằng 01 vụ án tranh chấp khác để xem xét giải quyết khi có yêu cầu.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty TNHH H phải chịu án phí là:

$5.884.511.399 \text{ đồng} = 112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 1.884.511.399 \text{ đồng}) = 113.884.500 \text{ đồng}$ (Một trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại, Điều 274, 275, 280, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 325, 351,

353, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1, 2 Điều 92, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay trong phạm vi bảo lãnh với ông Nguyễn Quốc B và bà Đỗ Thị T; bà Trần Xuân T và ông Phạm Hoàng P, chị Phan Thị Ngọc D do các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh, đã xử lý xong các hợp đồng thế chấp và Ngân hàng cũng hoàn trả xong cho ông B, bà T, bà T, ông P, chị D các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C.

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền nợ tính đến hết ngày 04/11/2021 là 5.884.511.399 đồng (Gồm nợ tiền vốn gốc 3.584.610.038 đồng, lãi trong hạn 255.796.972 đồng, lãi quá hạn 1.984.953.253 đồng, phạt chậm trả lãi 59.151.136 đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H còn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 05/11/2021 cho Ngân hàng thương mại cổ phần C cho đến khi trả xong nợ gốc theo các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TIG.DN.880.030417 ngày 04/4/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1052.291117 ngày 01/12/2017 và Phụ lục hợp đồng số TIG.DN.1052.291117PL-01 ngày 01/12/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1529.071218 ngày 18/12/2018 và Phụ lục hợp đồng số TIG.DN.1529.071218/PL – 01 ngày 18/12/2018, Hợp đồng cấp tín dụng số TIG.DN.1533.071218 ngày 31/01/2019; các Khế ước nhận nợ các bên đã ký kết số 13 (Số TK 270219599 ngày 03/10/2018), số 14 (Số TK 270555439 ngày 09/10/2018), số 15 (Số TK 270763359 ngày 12/10/2018), số 16 (Số TK 270986729 ngày 17/10/2018), số 17 (Số TK 272503939 ngày 13/11/2018); số 01 (Số TK 274562039 ngày 18/12/2018), số 02 (Số TK 274970719 ngày 24/12/2018), số 03 (Số TK 275013499 ngày 25/12/2018), số 04 (Số TK 284932199 ngày 31/5/2019), số 05 (Số TK 285180479 ngày 04/6/2019), số 06 (Số TK 285239639 ngày 05/6/2019).

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TIG.BĐDN.367.060116 ngày 14/01/2016. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TIG.BĐDN.367.060116/SĐBS-01 ngày 22/11/2016; số

TIG.BDDN.367.060116/SĐBS-02; số TIG.BDDN.367.060116/SĐBS-03 và Cam kết thế chấp ngày 26/8/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TIG.BDDN.333.080116 ngày 14/01/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số TIG.BDDN.07.191116 ngày 22/11/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số TIG.BDDN.07.191116/SĐBS-01 ngày 01/12/2017; Giấy phép xây dựng số 50/GPXD-UBND do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 19/8/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BDDN.281.110116 ngày 14/01/2016, số TIG.BDDN.313.110116 ngày 14/01/2016 do bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thu H, bà Lê Thị V, ông Trần Văn C, bà Lê Thị L, ông Quảng Trọng N đã ký kết và Chứng thư bảo lãnh lập ngày 13/01/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H phải chịu án phí là 113.884.500 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 59.527.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007965 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Xuân T, ông Phạm Hoàng P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương

